

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua dự thảo Nghị quyết điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Xét Tờ trình số 263/TTr-UBND ngày 05/11/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 tại Nghị quyết số 479/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện theo các biểu mẫu số 15,17 đính kèm.

Điều 2: Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này được HĐND huyện Khóa VI, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / . *thuyen*

Nơi nhận: *ph*

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMT TQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- TAND, VKSND huyện;
- Lưu: VT. *ph*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hương

ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024(Kèm theo Nghị quyết số **566** NQ-HĐND ngày **12** tháng **11** năm 2024 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán huyện giao năm 2024 theo Nghị quyết số 479/NQ-HĐND ngày 26/12/2023	Dự toán điều chỉnh theo Nghị quyết này	Chênh lệch (tăng, giảm)
A	B	1	2	3=2-1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	740.690,100	711.306,000	-29.384,100
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	292.711,000	292.711,000	0,000
-	Thu NSDP hưởng 100%	10.950,000	10.950,000	0,000
-	Thu NSDP hưởng từ khoản thu phân chia	281.761,000	281.761,000	0,000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	418.595,000	418.595,000	0,000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	293.331,000	293.331,000	0,000
2	Thu bổ sung số mục tiêu	125.264,000	125.264,000	0,000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
IV	Thu kế dư			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	29.384,100	0,000	-29.384,100
B	TỔNG CHI NSDP	740.690,100	711.306,000	-29.384,100
I	Tổng chi cân đối NSDP	723.807,100	694.423,000	-29.384,100
1	Chi đầu tư phát triển (1)	230.233,003	217.153,003	-13.080,000
2	Chi thường xuyên	481.277,947	465.549,997	-15.727,950
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			
5	Dự phòng ngân sách	12.296,150	11.720,000	-576,150
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		0,000	0,000
II	Chi các chương trình mục tiêu	16.883,000	16.883,000	0,000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	16.883,000	16.883,000	0,000
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)			
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			

Biểu mẫu số 17

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán huyện giao năm 2024 theo Nghị quyết số 479/NQ- HĐND ngày 26/12/2023	Dự toán điều chỉnh theo Nghị quyết này	Chênh lệch (tăng, giảm)
A	B	1	2	3=2-1
	TỔNG CHI NSĐP	771.052,100	741.668,000	-29.384,100
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	723.807,100	694.423,000	-29.384,100
I	Chi đầu tư phát triển	230.233,003	217.153,003	-13.080,000
1	Chi đầu tư cho các dự án	230.233,003	217.153,003	-13.080,000
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>		0,000	0,000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		0,000	0,000
-	Chi khoa học và công nghệ		0,000	0,000
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>		0,000	0,000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	197.061,003	197.061,003	0,000
-	Nguồn NS tinh cân đối	7.092,000	7.092,000	0,000
-	Nguồn NS tinh bổ sung có mục tiêu	13.000,000	13.000,000	0,000
-	Nguồn tiết kiệm chi NS năm 2022	13.080,000	0,000	-13.080,000
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	481.277,947	465.549,997	-15.727,950
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	267.560,000	267.554,000	-6,000
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		0,000	0,000
V	Dự phòng ngân sách	12.296,150	11.720,000	-576,150
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI TRẢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	47.245,000	47.245,000	0,000
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	30.362,000	30.362,000	0,000
	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	10.400,000	10.400,000	0,000
	CTMTQG giảm nghèo bền vững	2.500,000	2.500,000	0,000
	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi	17.462,000	17.462,000	0,000
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	16.883,000	16.883,000	0,000
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	16.883,000	16.883,000	0,000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			